

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU - TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thị Mỹ Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Tuấn Kiệt và bà Dư Thị Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Chi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Ngộ – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2020/TLST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2020, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn T** (tên gọi khác: **T L**), sinh năm 1993 tại Bạc Liêu; Nơi cư trú: Số 108, Khóm 3, Phường 7, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; Nghề nghiệp: làm thuê; Dân tộc: Kinh; Trình độ học vấn: 01/12; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1959 và bà Thạch Thị U, sinh năm 1963; Anh, em ruột: có 03 người, lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 1997; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt truy nã và tạm giam từ ngày 25/10/2019 đến nay. (có mặt).

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị Trúc Q, sinh năm 1999. Địa chỉ: số 2/23B, Khóm 6, Phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 14 giờ 20 Pt ngày 16/02/2017, Nguyễn Văn T và Dương Danh Chí K, uống nước tại quán A trong khu công viên H, thuộc khóm 3, phường 7, thành phố B thì thấy chị Nguyễn Thị Trúc Q ngồi ở bàn đối diện có sử dụng điện thoại di động hiệu OPPO R7-Lite, màu vàng. Sau đó, K đi về trước, lúc này trong quán còn T và chị Q nên T nảy sinh ý định cướp giật tài sản. Lợi dụng lúc chị Q cất điện thoại di động vào ba lô màu đỏ, T đi nhanh đến giật lấy ba lô, rồi chạy về hướng cổng sau công viên H tẩu thoát. Đến khoảng 15 giờ 30 Pt cùng ngày, Nguyễn Văn T gặp Dương Danh Chí K trên đường Bà Triệu, T nhờ K chở đến khu nghĩa địa ở khóm 4, phường 2, thành phố B. Tại đây, T lấy 01 điện thoại di động hiệu OPPO R7-Lite, màu vàng; 01 điện thoại di động hiệu Nokia Lumia 520, màu đen và số tiền 1.800.000 đồng cho K xem và nói là cướp giật được của chị Q. Do sợ K tố giác hành vi phạm tội của mình nên T đưa cho K 01 điện thoại di động Nokia

Lumia 520 và 100.000 đồng. K đồng ý nhận các tài sản trên, sau đó cả hai đem điện thoại di động OPPO R7-Lite của chị Q đến cửa hàng điện thoại B 2, đường C, khóm 1, phường 5, thành phố B để mở khóa.

Đến ngày 17/02/2017, Nguyễn Văn T biết Dương Danh Chí K bị bắt nên không dám đi lấy điện thoại đã gửi tại cửa hàng B 2 nên tìm gặp Lê Văn P bạn cùng xóm. T lấy tiền cướp giật được của chị Q trả cho P 900.000 đồng tiền nợ trước đó, đồng thời đưa giấy biên nhận ghi “T” cho Lê Văn P và nhờ đi lấy điện thoại giùm. P đồng ý đi lấy điện thoại thì bị công an phường mời về làm việc, còn Nguyễn Văn T bỏ trốn đến ngày 25/10/2019 thì bị bắt theo quyết định truy nã và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Chị Q trình báo bị cướp giật tài sản gồm: 01 ba lô màu đỏ; 01 bóp cầm tay màu đen; 01 điện thoại di động hiệu OPPO R7-Lite, màu vàng; 01 điện thoại di động hiệu Nokia Lumia 520, màu đen; 01 mắt kính cận màu trắng – đen; 01 mắt kính mát, màu đen; 01 USB màu 64GB màu đen; 01 cuốn sách ngữ pháp Tiếng Anh và số tiền 1.800.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại 01 điện thoại di động OPPO R7- Lite, màu vàng; 01 điện thoại di động hiệu Nokia Lumia 520, màu đen cho bị hại; tiền và các tài sản bị chiếm đoạt khác không thu hồi được.

Tại Bản kết luận giám định giá trị tài sản số 39 ngày 17/4/2017 của Hội đồng định giá trị tài sản trong tố tụng hình sự, xác định: 01 điện thoại di động hiệu OPPO R7-Lite, tỷ lệ còn lại 80%, trị giá 4.760.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Nokia Lumia 520, tỷ lệ còn lại 90%, trị giá 1.341.000 đồng; 01 USB 64GB, màu đen, trị giá 77.600 đồng; các tài sản còn lại không rõ nhãn hiệu nên không định giá được. Như vậy, tổng giá trị tài sản Nguyễn Văn T cướp giật của chị Nguyễn Thị Trúc Q đoạt là 7.978.600 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 07/CT-VKSTPBL ngày 10/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

* Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 136; điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T (tên gọi khác (T L) từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”.

+ Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại 02 điện thoại di động bị chiếm đoạt và không yêu cầu gì khác nên không đặt ra xem xét.

+ Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

+ Đối với trách nhiệm hình sự của Dương Danh Chí K, đã được giải quyết tại

Bản án số 108/2017/HSST ngày 30/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

+ Đối với Lê Văn P không biết tiền và điện thoại do Nguyễn Văn T phạm tội mà có nên không đề nghị xử lý là có căn cứ.

- Bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Bạc Liêu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt, xét thấy sự vắng mặt bị hại không cản trở cho việc xét xử, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị hại.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của chính bị cáo trong giai đoạn điều tra; phù hợp với lời khai của Dương Danh Chí K, của bị hại về thời gian, địa điểm thực hiện tội phạm và đặc điểm tài sản bị chiếm đoạt; đồng thời phù hợp với kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Bạc Liêu, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ 20 Pt ngày 16/02/2017, tại khóm 3, phường 7, thành phố B, bị cáo Nguyễn Văn T có hành vi nhanh chóng giật lấy tài sản của chị Nguyễn Thị Trúc Q một cách công khai rồi tẩu thoát.

Bị cáo thực hiện hành vi là vì mục đích vụ lợi; trước, trong và sau khi thực hiện hành vi, các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nên hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cướp giật tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 như Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện ý thức sống lệch lạc, xem thường pháp luật, xem nhẹ thành quả lao động của người khác bằng việc tước đoạt tài sản. Không những thế, hành vi phạm tội của bị cáo còn gây mất trật tự trị an ở địa phương. Do đó, cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo để không chỉ có tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo mà còn mang tính phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 cho bị cáo.

[6] Trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại 02 điện thoại di động bị chiếm đoạt và không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Các vấn đề khác:

Đối với Dương Danh Chí K đã được giải quyết tại Bản án số 108/2017/HSST ngày 30/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Đối với Lê Văn P không biết tiền và điện thoại do Nguyễn Văn T phạm tội mà có nên không đề nghị xử lý là phù hợp.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Như vậy có căn cứ chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 136; điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T (tên gọi khác T L) phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T (tên gọi khác T L) 01 (một) năm, 03 (ba) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị tạm giữ tạm giam ngày 25/10/2019.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T (tên gọi khác T L) phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Án xử công khai, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND Tp. Bạc Liêu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu;
- Nhà tạm giữ Công an Tp. Bạc Liêu;
- Chi cục THADS Tp. Bạc Liêu;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thị Mỹ Hằng

